

Phụ lục III

Ban Quản lý các khu công nghiệp gồm 05 nội dung báo cáo:

1. Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thángcủa Ban quản lý các khu công nghiệp;

2. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ quý I, phương hướng, nhiệm vụ quý II của Ban quản lý các khu công nghiệp;

3. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm của Ban quản lý các khu công nghiệp;

4. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 9 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm của Ban quản lý các khu công nghiệp;

5. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm và phương hướng, nhiệm vụ năm kế tiếp của Ban quản lý các khu công nghiệp.

Ban hành kèm theo Quyết định số: /2020/QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

I. ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HÀNG THÁNG CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ tháng.....của Ban quản lý các Khu công nghiệp thực hiện theo Đề cương và Biểu mẫu báo cáo sau:

Phần I: ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

UBND TỈNH VĨNH PHÚC
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/BC-.....

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 20

BÁO CÁO

**Tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ tháng.....
của Ban quản lý các Khu công nghiệp**

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Tình hình cấp/điều chỉnh GCNĐKĐT

- Về dự án đầu tư cấp mới: Số DA, VĐT; so sánh với cùng kỳ và kế hoạch.

- Về dự án đầu tư tăng vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh: Số DA, VĐT; so sánh với cùng kỳ.

- Dự án chấm dứt hoạt động: Số dự án, VĐT, diện tích đất, nguyên nhân.

- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: Số DA, VĐT.

2. Tình hình triển khai thực hiện dự án

- Kết quả triển khai của các dự án: số dự án đã hoạt động sản xuất kinh doanh trong tháng. Lũy kế đến cuối tháng báo cáo có: số dự án đã đi vào SXKD; đang triển khai xây dựng, san nền, bồi thường, GPMB, hoàn thiện các thủ tục sau cấp GCNĐKĐT và các dự án chậm triển khai.

- Vốn thực hiện trong tháng, vốn thực hiện từ đầu năm đến thời điểm báo cáo và lũy kế từ trước đến thời điểm báo cáo.

3. Công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng hạ tầng các KCN

4. Công tác quản lý các dự án sau cấp GCNĐKĐT:

4.1. Cấp Giấy phép xây dựng trong KCN: Số lượng dự án cấp mới, điều chỉnh, thông báo thẩm định thiết kế cơ sở.

4.2. Công tác quản lý lao động trong các KCN: Công tác quản lý lao động theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Thực hiện các chính sách về lao động,....

4.3. Công tác quản lý về môi trường tại các KCN: Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của doanh nghiệp trong KCN, các biện pháp bảo vệ môi trường về xử lý chất thải rắn, khí thải, nước thải,...; Đã trực tiếp giải quyết theo thẩm quyền hoặc phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường của các doanh nghiệp trong KCN,...

4.4. Công tác tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp

4.5. Các công tác khác: Thanh tra, kiểm tra, giám sát tại các doanh nghiệp; phối hợp giữ gìn an ninh trật tự KCN; CCHC, Pháp chế...

Ngoài các nội dung trên, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, Đơn vị trực thuộc Ban cần báo cáo thêm về những vấn đề phát sinh đã tham gia giải quyết theo thẩm quyền hoặc đã tham mưu lãnh đạo Ban giải quyết trong tháng.

II. ĐỀ RA NHIỆM VỤ THÁNG KẾ TIẾP

1. Về thu hút đầu tư và triển khai dự án
2. Về quy hoạch xây dựng và đầu tư hạ tầng các KCN
3. Về quản lý các dự án sau cấp GCNĐKĐT: lao động, môi trường; thanh tra, kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp; CCHC; pháp chế; tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp...

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Ban Quản lý các KCN (t/hợp);
- Lưu:.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Phần II: BIỂU MẪU BÁO CÁO

BIỂU 1: DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀO CÁC KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC THÁNG...NĂM...

(Tính từ ngày 15 của tháng trước đến ngày 14 của tháng báo cáo)

TT	Tên Dự án	Chủ đầu tư	Mã số DA/ngày cấp	Mục tiêu hoạt động	Địa điểm	Vốn đầu tư ĐK mới/tăng thêm/giảm đi (Tr.USD/Tỷ đồng)	Ghi chú
A	ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI)						
I	DỰ ÁN CẤP MỚI:					-	
1							
						
II	DỰ ÁN TĂNG VỐN:						
1							
	...						
III	DỰ ÁN GIẢM VỐN						
1							
						
IV	DỰ ÁN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG						
1							
						
B	ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP TRONG NƯỚC (DDI):						
I	DỰ ÁN CẤP MỚI:					-	
1							
						
II	DỰ ÁN TĂNG VỐN:						
1							

TT	Tên Dự án	Chủ đầu tư	Mã số DA/ngày cấp	Mục tiêu hoạt động	Địa điểm	Vốn đầu tư ĐK mới/tăng thêm/giảm đi (Tr.USD/Tỷ đồng)	Ghi chú
III	DỰ ÁN GIẢM VỐN						
1							
						
IV	DỰ ÁN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG						
1							
						

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU 2: BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO CÁC KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN THÁNG....NĂM...

(Lũy kế đến ngày 14 của tháng báo cáo)

TT	KCN	Số dự án		Vốn đầu tư Đăng ký		Diện tích đất cấp (ha)			Tình hình triển khai dự án					
		Tổng số	Trong đó		DDI (Tỷ VNĐ)	FDI (Triệu USD)	Tổng số	Trong đó		Đang SX KD	Đang xây dựng, san nền	Chưa TK, Giãn tiến độ,...	Đang bồi thường GPMB	Mới cấp giấy CNĐT, đang làm thủ tục
			DDI	FDI				DDI	FDI					
1														
2														
													
	Tổng cộng:													

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

II. ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUÝ I, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ II CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ quý I, phương hướng, nhiệm vụ quý II của Ban quản lý các Khu công nghiệp thực hiện theo Đề cương và Biểu mẫu báo cáo sau:

Phần I: ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

UBND TỈNH VĨNH PHÚC
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/BC-.....

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 20

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ quý I, phương hướng, nhiệm vụ quý II của Ban quản lý các Khu công nghiệp

PHẦN I: KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Kết quả cấp/điều chỉnh GCNĐKĐT

- Về dự án đầu tư cấp mới: Số DA, VĐT; so sánh với cùng kỳ và kế hoạch.
- Về dự án đầu tư tăng vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh: Số DA, VĐT; so sánh với cùng kỳ.
- Dự án chấm dứt hoạt động: Số dự án, VĐT, diện tích đất, nguyên nhân.
- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: Số DA, VĐT.

2. Tình hình triển khai dự án

- Kết quả triển khai của các dự án: số dự án đã hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ báo cáo. Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo có: số dự án đã đi vào SXKD; đang triển khai xây dựng, san nền, bồi thường, GPMB, hoàn thiện các thủ tục sau cấp GCNĐKĐT và các dự án chậm triển khai.
- Vốn thực hiện trong kỳ báo cáo, so sánh cùng kỳ, đạt % kế hoạch năm; lũy kế vốn thực hiện từ trước đến thời điểm báo cáo; tỷ lệ VTH/VĐK.

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

3.1. Kết quả SXKD của các doanh nghiệp FDI:

- Doanh thu: SS với cùng kỳ
- Giá trị xuất khẩu: SS với cùng kỳ
- Nộp ngân sách trên địa bàn: SS với cùng kỳ
- Thu hút lao động mới: số lao động tuyển dụng mới tăng thêm trong kỳ báo cáo, so sánh cùng kỳ; số lao động là người trong tỉnh, chiếm % tổng số lao động làm việc tại các doanh nghiệp FDI trong KCN

3.2. Kết quả SXKD của các doanh nghiệp DDI:

- Doanh thu: SS với cùng kỳ
- Giá trị xuất khẩu: SS với cùng kỳ
- Nộp ngân sách trên địa bàn: SS với cùng kỳ
- Thu hút lao động mới: số lao động tuyển dụng mới tăng thêm trong kỳ báo cáo, so sánh cùng kỳ; số lao động là người trong tỉnh, chiếm % tổng số lao động làm việc tại các doanh nghiệp DDI trong KCN

3.3. Kết quả SXKD theo một số lĩnh vực chủ yếu: Sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy; Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy; Sản xuất, lắp ráp điện tử; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất vật liệu xây dựng.

4. Công tác quản lý và phát triển Khu công nghiệp

- VTH, lũy kế VTH từ trước đến thời điểm báo cáo; tỷ lệ lấp đầy các KCN đã có các dự án vào đầu tư.
- Công tác tham mưu, đề xuất phát triển các KCN
- Khối lượng triển khai đầu tư các hạng mục hạ tầng kỹ thuật tại các KCN.

5. Công tác quản lý các dự án sau cấp GCNĐKĐT:

- Công tác quản lý lao động: Công tác quản lý lao động theo chức năng, nhiệm vụ được giao (Tình hình thực hiện các chính sách đối với người lao động của doanh nghiệp; tình hình cấp phép và quản lý lao động là người nước ngoài làm việc trong các doanh nghiệp, ...).

- Công tác quản lý về môi trường tại các doanh nghiệp: Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, các biện pháp bảo vệ môi trường về xử lý chất thải rắn, khí thải, nước thải,... ; Đã trực tiếp giải quyết theo thẩm quyền hoặc phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường của các doanh nghiệp,...

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tại các doanh nghiệp: Số đợt thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát theo Kế hoạch được duyệt; số lượng doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra, giám sát; Phát hiện vi phạm trong kiểm tra, giám sát; biện pháp xử lý

- Công tác phòng cháy chữa cháy; an ninh trật tự tại các KCN

- Công tác tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp
- Công tác khác: CCHC; Pháp chế...

6. Đánh giá chung những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

PHẦN II: NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP QUÝ II

1. Nhiệm vụ:

- Về thu hút đầu tư
- Về triển khai dự án
- Về hoạt động sản xuất kinh doanh
- Về quy hoạch và đầu tư hạ tầng các KCN
- Về quản lý các dự án sau cấp GCNĐKĐT: quản lý lao động, quản lý môi trường tại các doanh nghiệp KCN
- Về công tác khác: Thanh tra, kiểm tra, giám sát tại các doanh nghiệp KCN; CCHC; pháp chế...

2. Một số giải pháp chủ yếu

3. Kiến nghị, đề xuất (Quốc hội và Chính phủ; Bộ Ngành TW; TU, UBND tỉnh).

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Ban Quản lý các KCN (t/hợp);
- Lưu:.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Phần II: BIỂU MẪU BÁO CÁO

BIỂU 1: DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀO CÁC KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC QUÝ I NĂM....

(Tính từ ngày 15/12 của năm trước đến ngày 14/3 của năm báo cáo)

TT	Tên Dự án	Chủ đầu tư	Mã số DA/ngày cấp	Mục tiêu hoạt động	Địa điểm	Vốn đầu tư ĐK mới/tăng thêm/giảm đi (Tr.USD/Tỷ đồng)	Ghi chú
A	ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI)						
I	DỰ ÁN CẤP MỚI:					-	
1							
						
II	DỰ ÁN TĂNG VỐN:						
1							
	...						
III	DỰ ÁN GIẢM VỐN						
1							
						
IV	DỰ ÁN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG						
1							
						
B	ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP TRONG NƯỚC (DDI):					-	
I	DỰ ÁN CẤP MỚI:					-	
1							
						

TT	Tên Dự án	Chủ đầu tư	Mã số DA/ngày cấp	Mục tiêu hoạt động	Địa điểm	Vốn đầu tư ĐK mới/tăng thêm/giảm đi (Tr.USD/Tỷ đồng)	Ghi chú
II	DỰ ÁN TĂNG VỐN:						
1							
	...						
III	DỰ ÁN GIẢM VỐN						
1							
						
IV	DỰ ÁN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG						
1							
						

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Dự án FDI				Dự án DDI			
			Quý I năm trước	Quý I năm BC	So cùng kỳ (%)	Đạt % so KH năm 2020	Quý I năm trước	Quý I năm BC	So cùng kỳ (%)	Đạt % so KH năm 2020
3	Vốn thực hiện	Triệu USD/ tỷ VNĐ								
4	Dự án mới đi vào SXKD	Dự án								
II	Đóng góp vào KT-XH									
1	Doanh thu	Triệu USD/ tỷ VNĐ								
2	Giá trị kim ngạch XK	Triệu USD								
3	Nộp ngân sách	Tỷ VNĐ								
4	Giá trị nhập khẩu	Triệu USD								
5	Lao động	Người								

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU 3: BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO CÁC KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN THÁNG 3 NĂM....

(Lũy kế đến ngày 14/3 của năm báo cáo)

TT	KCN	Số dự án		Vốn đầu tư Đăng ký		Diện tích đất cấp (ha)			Tình hình triển khai dự án					
		Tổng số	Trong đó		DDI (Tỷ VNĐ)	FDI (Triệu USD)	Tổng số	Trong đó		Đang SX KD	Đang xây dựng, san nền	Chưa TK, Giãn tiến độ,...	Đang bồi thường GPMB	Mới cấp giấy CNDT, đang làm thủ tục
			DDI	FDI				DDI	FDI					
1														
2														
													
	Tổng cộng:													

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU 4: BIỂU TỔNG HỢP THU HÚT ĐẦU TƯ THEO LĨNH VỰC ĐẾN THÁNG 3 NĂM....

(Lũy kế đến ngày 14/3 của năm báo cáo)

STT	Lĩnh vực	Dự án FDI				Dự án DDI				Ghi chú
		Số Dự án	Tổng VĐT (Tr. USD)	Tỷ lệ %		Số Dự án	Tổng VĐT (Tỷ đồng)	Tỷ lệ %		
				DA/Tổng DA	VĐT/Tổng VĐT			DA/Tổng DA	VĐT/Tổng VĐT	
	TỔNG:									
I	Xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN									
II	Công nghiệp:									
1	Sản xuất ô tô, xe máy, phụ tùng ô tô, xe máy									
2	Sản xuất, lắp ráp điện, điện tử, máy tính									
3	Sản xuất hàng may mặc									
4	Sản xuất VLXD									
5	SXCN khác									
III	Thương mại, dịch vụ									

Người lập biểu

(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Số TT	Quốc gia và vùng lãnh thổ	Số DA	Tỷ lệ% DA đầu tư theo lãnh thổ/tổng DA đầu tư	Tổng vốn đầu tư (USD)	Tỷ lệ VĐT quốc gia/ tổng VĐT (USD)	Tình hình triển khai dự án			
						Sản xuất	Xây dựng	Mới Cấp	Chưa triển khai
16	Pháp								
17	British Virgin Islands								
								
	Cộng								-

Người lập biểu

(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

II. KẾT QUẢ SXKD CỦA CÁC DỰ ÁN DDI

Stt	Tên KCN	Doanh thu (Tỷ đồng)			Giá trị xuất khẩu (Tỷ đồng)			Nộp NS (Tỷ đồng)			Lao động (Người)				GT nhập khẩu (Tỷ USD)		
		Quý 1 năm trước	Quý 1 năm BC	SS c.kỳ	Quý 1 năm trước	Quý 1 năm BC	SS c.kỳ	Quý 1 năm trước	Quý 1 năm BC	SS c.kỳ	Tính đến 15/12 năm trước	Tính đến 14/3 năm BC	Tăng (giảm)	Trong đó: LĐ VP	Quý 1 năm trước	Quý 1 năm BC	SS c.kỳ
1																	
2																	
3																	
4																	
																
	CỘNG	-	-														

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

S T T	Lĩnh vực hoạt động	Doanh thu (Triệu USD/Tỷ VNĐ)			Giá trị xuất khẩu (Triệu USD/Tỷ VNĐ)			Nộp NS (Tỷ đồng)			Lao động Việt Nam (Người)				GT nhập khẩu (Triệu USD/Tỷ VNĐ)		
		Quý 1 năm trước	Quý 1 năm BC	SS c.kỳ	Quý 1 năm trước	Quý 1 năm BC	SS c.kỳ	Quý 1 năm trước	Quý 1 năm BC	SS c.kỳ	Tính đến 15/12 năm trước	Tính đến 14/3 năm BC	Tăng (giảm)	Trong đó: LĐ VP	Quý 1 năm trước	Quý 1 năm BC	SS c.kỳ
7	Thương mại & Dịch vụ																
II	DỰ ÁN DDI																
1	CN sản xuất các sản phẩm thép																
2	Các Lĩnh vực khác...																

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

III. ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm của Ban quản lý các Khu công nghiệp thực hiện theo Đề cương và Biểu mẫu báo cáo sau:

Phần I: ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

UBND TỈNH VĨNH PHÚC
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC- *Vĩnh Phúc*, ngày *tháng* năm 20

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm của Ban quản lý các KCN

PHẦN THỨ NHẤT: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRONG KỲ BÁO CÁO

* Những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng tới việc thực hiện nhiệm vụ

1. Công tác xúc tiến đầu tư

2. Tình hình cấp/điều chỉnh GCNĐKĐT; Chấm dứt hoạt động dự án đầu tư

- Về dự án đầu tư cấp mới: Số DA, VĐT; so sánh với cùng kỳ và kế hoạch.
- Về dự án đầu tư tăng vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh: Số DA, VĐT; so sánh với cùng kỳ.

- Dự án chấm dứt hoạt động: Số dự án, VĐT, diện tích đất, nguyên nhân.

- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: Số DA, VĐT.

+ Phân dự án theo KCN.

+ Phân dự án theo lĩnh vực: Lĩnh vực hạ tầng KCN; Lĩnh vực công nghiệp; Lĩnh vực thương mại, dịch vụ.

+ Phân dự án FDI theo quốc gia, vùng, lãnh thổ.

3. Tình hình triển khai dự án

- Kết quả triển khai của các dự án: số dự án đã hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ báo cáo. Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo có: số dự án đã đi vào SXKD (chiếm % tổng số dự án); đang triển khai xây dựng, san nền, bồi thường, GPMB, hoàn thiện các thủ tục sau cấp GCNĐKĐT và các dự án chậm triển khai.

- Vốn thực hiện trong kỳ báo cáo, so sánh cùng kỳ, đạt % kế hoạch năm; lũy kế vốn thực hiện từ trước đến thời điểm báo cáo; tỷ lệ VTH/VĐK.

4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

3.1. Kết quả SXKD của các doanh nghiệp FDI:

- Doanh thu: SS với cùng kỳ
- Giá trị xuất khẩu: SS với cùng kỳ
- Nộp ngân sách trên địa bàn: SS với cùng kỳ
- Thu hút lao động mới: số lao động tuyển dụng mới tăng thêm trong kỳ báo cáo, so sánh cùng kỳ; số lao động là người trong tỉnh, chiếm % tổng số lao động làm việc tại các doanh nghiệp FDI trong KCN

3.2. Kết quả SXKD của các doanh nghiệp DDI:

- Doanh thu: SS với cùng kỳ
- Giá trị xuất khẩu: SS với cùng kỳ
- Nộp ngân sách trên địa bàn: SS với cùng kỳ
- Thu hút lao động mới: số lao động tuyển dụng mới tăng thêm trong kỳ báo cáo, so sánh cùng kỳ; số lao động là người trong tỉnh, chiếm % tổng số lao động làm việc tại các doanh nghiệp DDI trong KCN

3.3. Kết quả SXKD theo một số lĩnh vực chủ yếu: Sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy; Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy; Sản xuất, lắp ráp điện tử; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất vật liệu xây dựng.

4. Công tác quản lý quy hoạch, xây dựng và phát triển các Khu công nghiệp

- Công tác tham mưu, đề xuất quy hoạch và phát triển các KCN
- Về tiến độ triển khai xây dựng hạ tầng tại các KCN: VTH, lũy kế VTH từ trước đến thời điểm báo cáo; tỷ lệ lấp đầy các KCN đã có các dự án vào đầu tư; Kết quả triển khai đầu tư các hạng mục hạ tầng kỹ thuật tại các KCN.

5. Công tác quản lý các dự án sau cấp GCNĐT:

- Công tác quản lý lao động: Công tác quản lý lao động theo chức năng, nhiệm vụ được giao: Tình hình thực hiện các chính sách đối với người lao động của các doanh nghiệp trong các KCN; mức sống, thu nhập của người lao động trong khu công nghiệp; tình hình cấp GP và quản lý lao động là người nước ngoài làm việc trong các doanh nghiệp.

- Công tác quản lý về môi trường tại các doanh nghiệp: Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, các biện pháp bảo vệ môi trường về xử lý chất thải rắn, khí thải, nước thải,... ; công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường; công tác quản lý, theo dõi và phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh

nghiệp; Đã trực tiếp giải quyết theo thẩm quyền hoặc phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường của các doanh nghiệp,...

- Công tác Thanh tra, kiểm tra, giám sát tại các doanh nghiệp: Số đợt thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát theo Kế hoạch được duyệt; số lượng doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra, giám sát; Phát hiện vi phạm trong kiểm tra, giám sát; biện pháp xử lý.

- Công tác phòng cháy chữa cháy; an ninh trật tự tại các KCN

- Công tác tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp

- Công tác CCHC: Tình hình triển khai thực hiện cải cách hành chính theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông tại TT HCC của tỉnh; Kết quả tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trong kỳ báo cáo (tỷ lệ đúng và trước hạn, chậm hạn); CHCH trong chỉ đạo điều hành tại Ban...

6. Đánh giá chung tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm: Những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

PHẦN THỨ II: PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM

1. Dự báo những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ

2. Nhiệm vụ chủ yếu:

- Về xúc tiến đầu tư

- Về thu hút đầu tư

- Về triển khai dự án

- Về hoạt động sản xuất kinh doanh

- Về quy hoạch và đầu tư phát triển hạ tầng các KCN

- Về quản lý các dự án sau cấp GCNĐKĐT: quản lý lao động, quản lý môi trường tại các doanh nghiệp KCN

- Về công tác khác: Thanh tra, kiểm tra, giám sát tại các doanh nghiệp KCN; CCHC; pháp chế...

2. Giải pháp thực hiện

3. Kiến nghị, đề xuất: (Quốc hội và Chính phủ; Bộ Ngành TW; TU, UBND tỉnh).

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);

- Ban Quản lý các KCN (t/hợp);

- Lưu:.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Phần II: BIỂU MẪU BÁO CÁO

BIỂU 1: DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀO CÁC KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC 6 THÁNG NĂM....

(Tính từ ngày 15/12 năm trước đến ngày 14/6 của năm thuộc kỳ báo cáo)

TT	Tên Dự án	Chủ đầu tư	Mã số DA/ngày cấp	Mục tiêu hoạt động	Địa điểm	Vốn đầu tư ĐK mới/tăng thêm/giảm đi (Tr.USD/Tỷ đồng)	Ghi chú
A	ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI)						
I	DỰ ÁN CẤP MỚI:					-	
1							
						
II	DỰ ÁN TĂNG VỐN:						
1							
	...						
III	DỰ ÁN GIẢM VỐN						
1							
						
IV	DỰ ÁN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG						
1							
						
B	ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP TRONG NƯỚC (DDI):					-	
I	DỰ ÁN CẤP MỚI:					-	
1							
						
II	DỰ ÁN TĂNG VỐN:						
1							
TT	Tên Dự án	Chủ đầu tư	Mã số DA/ngày cấp	Mục tiêu hoạt động	Địa điểm	Vốn đầu tư ĐK mới/tăng	Ghi chú

			cấp			thêm/giảm đi (Tr.USD/Tỷ đồng)	
	...						
III	DỰ ÁN GIẢM VỐN						
1							
						
IV	DỰ ÁN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG						
1							
						

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

II	Đóng góp vào KT-XH									
1	Doanh thu	Triệu USD/ tỷ VNĐ								
2	Giá trị kim ngạch XK	Triệu USD								
3	Nộp ngân sách	Tỷ VNĐ								
4	Giá trị nhập khẩu	Triệu USD								
5	Lao động	Người								

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU 3: BIỂU LŨY KẾ KẾT QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO CÁC KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN THÁNG 6 NĂM....*(Lũy kế đến ngày 14/6 của năm báo cáo)*

TT	KCN	Số dự án		Vốn đầu tư Đăng ký		Diện tích đất cấp (ha)		Tình hình triển khai dự án						
		Tổng số	Trong đó		DDI (Tỷ VNĐ)	FDI (Triệu USD)	Tổng số	Trong đó		Đang SX KD	Đang xây dựng, san nền	Chưa TK, Giãn tiến độ,...	Đang bồi thường GPMB	Mới cấp giấy CNDT, đang làm thủ tục
			DDI	FDI				DDI	FDI					
1														
2														
													
	Tổng cộng:													

Người lập biểu*(Ký tên)***Thủ trưởng đơn vị***(Ký tên, đóng dấu)*

BIỂU 4 : BIỂU TỔNG HỢP THU HÚT DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO CÁC KCN6 THÁNG NĂM

(Tính từ ngày 15/12 năm trước đến ngày 14/6 của năm báo cáo)

TT	KCN	Số dự án (cấp mới)			Vốn đầu tư Đăng ký			Diện tích đất cấp (ha)		
		Tổng số	Trong đó		DDI (tỷ VNĐ)		FDI (Triệu USD)	Tổng	Trong đó	
			DDI	FDI					DDI	FDI
1										
2										
									
	Tổng cộng:									

Người lập biểu

(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

STT	Lĩnh vực	FDI				DDI				Ghi chú
		Số DA	Tổng VĐT (Tr. USD)	Tỷ lệ %		Số DA	Tổng VĐT (Tỷ đồng)	Tỷ lệ %		
				DA/Tổng DA	VĐT/Tổng VĐT			DA/Tổng DA	VĐT/Tổng VĐT	
									
III	Thương mại, dịch vụ									

Người lập biểu

(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU 7: BIỂU LŨY KẾ CÁC DỰ ÁN FDI ĐẦU TƯ TRONG CÁC KCN PHÂN THEO VÙNG LÃNH THỔ ĐẾN THÁNG 6 NĂM...*(Lũy kế đến ngày 14/6 của năm báo cáo)*

Số TT	Quốc gia và vùng lãnh thổ	Số DA	Tỷ lệ% DA đầu tư theo lãnh thổ/tổng DA đầu tư	Tổng vốn đầu tư (USD)	Tỷ lệ VĐT quốc gia/ tổng VĐT (USD)	Tình hình triển khai dự án			
						Sản xuất	Xây dựng	Mới Cấp	Chưa triển khai
1	Hàn Quốc								
2	Đài Loan								
3	Nhật Bản								
4	Thái Lan								
5	Singapore								
6	Ý								
7	Trung Quốc								
8	Hà Lan								
9	CH Seychelles								
10	Ấn Độ								
11	Samoa								
12	Malaysia								
								
	Cộng								-

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

**BIỂU 8: BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH
TRONG KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VINH PHÚC
(6 tháng năm.....)**

I. KẾT QUẢ SXKD CỦA CÁC DỰ ÁN FDI

Stt	Tên KCN	Doanh thu (Triệu USD/tỷ đồng)			Giá trị xuất khẩu (Triệu USD)			Nộp NS (Tỷ đồng)			Lao động (Người)				GT nhập khẩu (Triệu USD)		
		6 tháng đầu năm trước	6 tháng đầu năm BC	SS c.kỳ	6 tháng đầu năm trước	6 tháng đầu năm BC	SS c.kỳ	6 tháng đầu năm trước	6 tháng đầu năm BC	SS c.kỳ	Tính đến 15/12 năm trước năm BC	Tính đến 14/6 của kỳ BC	Tăng (giảm)	Trong đó: LĐ VP	6 tháng đầu năm trước	6 tháng đầu năm BC	SS c.kỳ
1	KCN A																
2	KCN B																
3																
CỘNG		-	-														

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

II. KẾT QUẢ SXKD CỦA CÁC DỰ ÁN DDI

Stt	Tên KCN	Doanh thu (Tỷ đồng)			Giá trị xuất khẩu (Tỷ đồng)			Nộp NS (Tỷ đồng)			Lao động (Người)				GT nhập khẩu (Tỷ USD)		
		6 tháng đầu năm trước	6 tháng đầu năm BC	SS c.kỳ	6 tháng đầu năm trước	6 tháng đầu năm BC	SS c.kỳ	6 tháng đầu năm trước	6 tháng đầu năm BC	SS c.kỳ	Tính đến 15/12 năm trước năm BC	Tính đến 14/6 của kỳ BC	Tăng (giảm)	Trong đó: LĐ VP	6 tháng đầu năm trước	6 tháng đầu năm BC	SS c.kỳ
1	KCN A																
2	KCN B																
3																	
CỘNG		-	-														

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

S T T	Lĩnh vực hoạt động	Doanh thu (Triệu USD/Tỷ VNĐ)			Giá trị xuất khẩu (Triệu USD/Tỷ VNĐ)			Nộp NS (Tỷ đồng)			Lao động Việt Nam (Người)			GT nhập khẩu (Triệu USD/Tỷ VNĐ)			
		Kỳ BC năm trước năm BC	Kỳ BC	SS c.kỳ	Kỳ BC năm trước năm BC	Kỳ BC	SS c.kỳ	Kỳ BC năm trước năm BC	Kỳ BC	SS c.kỳ	Tính đến 31/12 năm trước năm BC	Tính đến cuối kỳ BC	Tăng (giảm)	Trong đó: LĐ VP	Kỳ BC năm trước năm BC	Kỳ BC	SS c.kỳ
7	Thương mại & Dịch vụ																
II	DỰ ÁN DDI																
1	CN sản xuất các sản phẩm thép																
2	Các Lĩnh vực khác....																

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU 10: BIỂU LŨY KẾ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT CÁC KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC

(Lũy kế đến ngày 14/6 của năm báo cáo)

STT	Tên khu công nghiệp	Tên Chủ đầu tư	Đơn vị tính	Quy mô KCN (ha)	DỰ ÁN HẠ TẦNG							
					Diện tích đất CN theo QH (ha)	Diện tích đất CN đã GPMB (ha)	Vốn đăng ký lũy kế đến T6 năm BC	Vốn NS đã TH	Vốn TH 6 tháng đầu năm	Vốn TH lũy kế đến T6 năm BC	DT chưa đền bù (ha)	Tỷ lệ lấp đầy trên diện tích đất QH (%)
Các khu công nghiệp đã thành lập												
Tổng cộng			DDI (tỷ đồng)									
			FDI (Triệu USD)									

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

IV. ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 9 THÁNG ĐẦU NĂM, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 3 THÁNG CUỐI NĂM CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 9 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm của Ban quản lý các Khu công nghiệp thực hiện theo Đề cương và Biểu mẫu báo cáo sau:

Phần I: ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

UBND TỈNH VĨNH PHÚC
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 20

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ 9 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm của Ban quản lý các KCN

PHẦN THỨ NHẤT: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRONG KỲ BÁO CÁO

* Những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng tới việc thực hiện nhiệm vụ

1. Công tác xúc tiến đầu tư

2. Tình hình cấp/điều chỉnh GCNĐKĐT; Chấm dứt hoạt động dự án đầu tư

- Về dự án đầu tư cấp mới: Số DA, VĐT; so sánh với cùng kỳ và kế hoạch.

- Về dự án đầu tư tăng vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh: Số DA, VĐT;

so sánh với cùng kỳ.

- Dự án chấm dứt hoạt động: Số dự án, VĐT, diện tích đất, nguyên nhân.

- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: Số DA, VĐT.

+ Phân dự án theo KCN.

+ Phân dự án theo lĩnh vực: Lĩnh vực hạ tầng KCN; Lĩnh vực công nghiệp; Lĩnh vực thương mại, dịch vụ.

+ Phân dự án FDI theo quốc gia, vùng, lãnh thổ.

3. Tình hình triển khai dự án

- Kết quả triển khai của các dự án: số dự án đã hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ báo cáo. Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo có: số dự án đã đi vào SXKD (chiếm % tổng số dự án); đang triển khai xây dựng, san nền, bồi thường, GPMB, hoàn thiện các thủ tục sau cấp GCNĐKĐT và các dự án chậm triển khai.

- Vốn thực hiện trong kỳ báo cáo, so sánh cùng kỳ, đạt % kế hoạch năm; lũy kế vốn thực hiện từ trước đến thời điểm báo cáo; tỷ lệ VTH/VĐK.

4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

3.1. Kết quả SXKD của các doanh nghiệp FDI:

- Doanh thu: SS với cùng kỳ

- Giá trị xuất khẩu: SS với cùng kỳ
- Nộp ngân sách trên địa bàn: SS với cùng kỳ
- Thu hút lao động mới: số lao động tuyển dụng mới tăng thêm trong kỳ báo cáo, so sánh cùng kỳ; số lao động là người trong tỉnh, chiếm % tổng số lao động làm việc tại các doanh nghiệp FDI trong KCN

3.2. Kết quả SXKD của các doanh nghiệp DDI:

- Doanh thu: SS với cùng kỳ
- Giá trị xuất khẩu: SS với cùng kỳ
- Nộp ngân sách trên địa bàn: SS với cùng kỳ
- Thu hút lao động mới: số lao động tuyển dụng mới tăng thêm trong kỳ báo cáo, so sánh cùng kỳ; số lao động là người trong tỉnh, chiếm % tổng số lao động làm việc tại các doanh nghiệp DDI trong KCN

3.3. Kết quả SXKD theo một số lĩnh vực chủ yếu: Sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy; Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy; Sản xuất, lắp ráp điện tử; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất vật liệu xây dựng.

4. Công tác quản lý quy hoạch, xây dựng và phát triển các Khu công nghiệp

- Công tác tham mưu, đề xuất quy hoạch và phát triển các KCN
- Về tiến độ triển khai xây dựng hạ tầng tại các KCN: VTH, lũy kế VTH từ trước đến thời điểm báo cáo; tỷ lệ lấp đầy các KCN đã có các dự án vào đầu tư; Kết quả triển khai đầu tư các hạng mục hạ tầng kỹ thuật tại các KCN.

5. Công tác quản lý các dự án sau cấp GCNĐT:

- Công tác quản lý lao động: Công tác quản lý lao động theo chức năng, nhiệm vụ được giao: Tình hình thực hiện các chính sách đối với người lao động của các doanh nghiệp trong các KCN; mức sống, thu nhập của người lao động trong khu công nghiệp; tình hình cấp GP và quản lý lao động là người nước ngoài làm việc trong các doanh nghiệp.

- Công tác quản lý về môi trường tại các doanh nghiệp: Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, các biện pháp bảo vệ môi trường về xử lý chất thải rắn, khí thải, nước thải,...; công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường; công tác quản lý, theo dõi và phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp; Đã trực tiếp giải quyết theo thẩm quyền hoặc phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường của các doanh nghiệp,...

- Công tác Thanh tra, kiểm tra, giám sát tại các doanh nghiệp: Số đợt thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát theo Kế hoạch được duyệt; số lượng doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra, giám sát; Phát hiện vi phạm trong kiểm tra, giám sát; biện pháp xử lý.

- Công tác phòng cháy chữa cháy; an ninh trật tự tại các KCN
- Công tác tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp
- Công tác CCHC: Tình hình triển khai thực hiện cải cách hành chính theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông tại TT HCC của tỉnh; Kết quả tiếp nhận hồ

sơ và trả kết quả trong kỳ báo cáo (tỷ lệ đúng và trước hạn, chậm hạn); CHCH trong chỉ đạo điều hành tại Ban...

6. Đánh giá chung tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm: Những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

PHẦN THỨ II: PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM KẾ TIẾP

1. Dự báo những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ

2. Nhiệm vụ chủ yếu:

- Về xúc tiến đầu tư
- Về thu hút đầu tư
- Về triển khai dự án
- Về hoạt động sản xuất kinh doanh
- Về quy hoạch và đầu tư phát triển hạ tầng các KCN
- Về quản lý các dự án sau cấp GCNĐKĐT: quản lý lao động, quản lý môi trường tại các doanh nghiệp KCN

- Về công tác khác: Thanh tra, kiểm tra, giám sát tại các doanh nghiệp KCN; CCHC; pháp chế...

2. Giải pháp thực hiện

3. Kiến nghị, đề xuất: (Quốc hội và Chính phủ; Bộ Ngành TW; TU, UBND tỉnh).

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Ban Quản lý các KCN (t/hợp);
- Lưu:.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Phần II: CÁC BIỂU MẪU BÁO CÁO**BIỂU 1: DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀO CÁC KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC 9 THÁNG NĂM...***(Tính từ ngày 15/12 năm trước đến ngày 14/9 năm báo cáo)*

TT	Tên Dự án	Chủ đầu tư	Mã số DA/ngày cấp	Mục tiêu hoạt động	Địa điểm	Vốn đầu tư ĐK mới/tăng thêm/giảm đi (Tr.USD/Tỷ đồng)	Ghi chú
A	ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI)						
I	DỰ ÁN CẤP MỚI:					-	
1							
						
II	DỰ ÁN TĂNG VỐN:						
1							
	...						
III	DỰ ÁN GIẢM VỐN						
1							
						
IV	DỰ ÁN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG						
1							
						
B	ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP TRONG NƯỚC (DDI):					-	
I	DỰ ÁN CẤP MỚI:					-	
1							
						

TT	Tên Dự án	Chủ đầu tư	Mã số DA/ngày cấp	Mục tiêu hoạt động	Địa điểm	Vốn đầu tư ĐK mới/tăng thêm/giảm đi (Tr.USD/Tỷ đồng)	Ghi chú
II	DỰ ÁN TĂNG VỐN:						
1							
	...						
III	DỰ ÁN GIẢM VỐN						
1							
						
IV	DỰ ÁN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG						
1							
						

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

..

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Dự án FDI				Dự án DDI				KH 20...	
			<i>Kỳ BC năm trước năm BC</i>	<i>Kỳ BC</i>	<i>So cùng kỳ (%)</i>	<i>Đạt % so KH năm 20...</i>	<i>Kỳ BC năm trước năm BC</i>	<i>Kỳ BC</i>	<i>So cùng kỳ (%)</i>	<i>Đạt % so KH năm 20...</i>	FDI	DDI
4	Dự án mới đi vào SXKD	Dự án										
II	Đóng góp vào KT-XH											
1	Doanh thu	Triệu USD/ tỷ VNĐ										
2	Giá trị kim ngạch XK	Triệu USD										
3	Nộp ngân sách	Tỷ VNĐ										
4	Giá trị nhập khẩu	Triệu USD										
5	Lao động	Người										

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU 3: BIỂU LŨY KẾ KẾT QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO CÁC KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÍNH ĐẾN THÁNG 9 NĂM...

(Lũy kế đến ngày 14/9 năm báo cáo)

TT	KCN	Số dự án		Vốn đầu tư Đăng ký		Diện tích đất cấp (ha)		Tình hình triển khai dự án						
		Tổng số	Trong đó		DDI (Tỷ VNĐ)	FDI (Triệu USD)	Tổng số	Trong đó		Đang SX KD	Đang xây dựng, san nền	Chưa TK, Giãn tiến độ,...	Đang bồi thường GPMB	Mới cấp giấy CNĐT, đang làm thủ tục
			DDI	FDI				DDI	FDI					
1														
2														
													
	Tổng cộng:													

Người lập biểu

(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

STT	Lĩnh vực	FDI				DDI				Ghi chú
		Số DA	Tổng VĐT (Tr. USD)	Tỷ lệ %		Số DA	Tổng VĐT (Tỷ đồng)	Tỷ lệ %		
				DA/Tổng DA	VĐT/Tổng VĐT			DA/Tổng DA	VĐT/Tổng VĐT	
6	SXCN khác									
									
III	Thương mại, dịch vụ									

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU 5: BIỂU LŨY KẾ CÁC DỰ ÁN FDI ĐẦU TƯ TRONG CÁC KCN PHÂN THEO VÙNG LÃNH THỔ ĐẾN THÁNG 9 NĂM...

(Lũy kế đến ngày 14/9 của kỳ báo cáo)

Số TT	Quốc gia và vùng lãnh thổ	Số DA	Tỷ lệ% DA đầu tư theo lãnh thổ/tổng DA đầu tư	Tổng vốn đầu tư (USD)	Tỷ lệ VĐT quốc gia/ tổng VĐT (USD)	Tình hình triển khai dự án			
						Sản xuất	Xây dựng	Mới Cấp	Chưa triển khai
1	Hàn Quốc								
2	Đài Loan								
3	Nhật Bản								
4	Thái Lan								
5	Singapore								
6	Ý								
7	Trung Quốc								
8	Hà Lan								
9	CH Seychelles								
10	Ấn Độ								
11	Samoa								
12	Malaysia								
								
	Cộng								-

Người lập biểu

(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

**BIỂU 6: BIỂU TH KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC
(9 tháng năm.....)**

Stt	Tên KCN	Doanh thu (Triệu USD/tỷ đồng)			Giá trị xuất khẩu (Triệu USD/ Tỷ đồng)			Nộp NS (Tỷ đồng)			Lao động (Người)				GT nhập khẩu (Triệu USD/Tỷ đồng)		
		9 tháng đầu năm trước	9 tháng đầu năm BC	SS c.kỳ	9 tháng đầu năm trước	9 tháng đầu năm BC	SS c.kỳ	9 tháng đầu năm trước	9 tháng đầu năm BC	SS c.kỳ	Tính đến 14/12 năm trước	Tính đến 14/9 kỳ BC	Tăng (giảm)	Trong đó: LĐ VP	9 tháng đầu năm trước	9 tháng đầu năm BC	SS c.kỳ
1																	
2	...																
CỘNG		-	-														

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU 7: BIỂU TH KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA MỘT SỐ LĨNH VỰC

HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU TRONG KCN
(9 tháng năm....)

S T T	Lĩnh vực hoạt động	Doanh thu (Triệu USD/Tỷ VNĐ)			Giá trị xuất khẩu (Triệu USD/Tỷ VNĐ)			Nộp NS (Tỷ đồng)			Lao động Việt Nam (Người)				GT nhập khẩu (Triệu USD/Tỷ VNĐ)		
		9 tháng đầu năm trước	9 tháng đầu năm BC	SS c.kỳ	9 tháng đầu năm trước	9 tháng đầu năm BC	SS c.kỳ	9 tháng đầu năm trước	9 tháng đầu năm BC	SS c.kỳ	Tính đến 14/12 năm trước năm BC	Tính đến 14/9 kỳ BC	Tăng (giảm)	Trong đó: LĐ VP	9 tháng đầu năm trước	9 tháng đầu năm BC	SS c.kỳ
I	DỰ ÁN FDI																
1	CN SX lắp ráp ô tô, xe máy																
2	CN hỗ trợ ô tô, xe máy																
3	CN điện tử, CN hỗ trợ điện tử, Gia công LKĐT																
4	CN dệt may																
S T	Lĩnh vực hoạt động	Doanh thu (Triệu USD/Tỷ VNĐ)			Giá trị xuất khẩu (Triệu USD/Tỷ VNĐ)			Nộp NS (Tỷ đồng)			Lao động Việt Nam (Người)				GT nhập khẩu (Triệu USD/Tỷ VNĐ)		

T		<i>9 tháng đầu năm trước</i>	<i>9 tháng đầu năm BC</i>	<i>SS c.kỳ</i>	<i>9 tháng đầu năm trước</i>	<i>9 tháng đầu năm BC</i>	<i>SS c.kỳ</i>	<i>9 tháng đầu năm trước</i>	<i>9 tháng đầu năm BC</i>	<i>SS c.kỳ</i>	<i>Tính đến 14/12 năm trước năm BC</i>	<i>Tính đến 14/9 kỳ BC</i>	<i>Tăng (giảm)</i>	<i>Trong đó: LĐ VP</i>	<i>9 tháng đầu năm trước</i>	<i>9 tháng đầu năm BC</i>	<i>SS c.kỳ</i>
5	CN Vật liệu XD																
6	Lĩnh vực CN khác																
7	Thương mại & Dịch vụ																
II	DỰ ÁN DDI																
1	CN sản xuất các sản phẩm thép																
2	Các Lĩnh vực khác																

Người lập biểu

(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

**V. ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM KẾ TIẾP CỦA BAN QUẢN
LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**

Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm và phương hướng, nhiệm vụ năm kế tiếp của Ban quản lý các Khu công nghiệp thực hiện theo Đề cương và Biểu mẫu sau:

Phần I: ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

UBND TỈNH VĨNH PHÚC
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC- Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 20

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện nhiệm vụ năm và phương hướng,
nhiệm vụ năm kế tiếp của Ban quản lý các KCN**

**PHẦN THỨ NHẤT: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRONG KỲ
BÁO CÁO**

* Những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng tới việc thực hiện nhiệm vụ

1. Công tác xúc tiến đầu tư

2. Tình hình cấp/điều chỉnh GCNĐKĐT; Chấm dứt hoạt động dự án đầu tư

- Về dự án đầu tư cấp mới: Số DA, VĐT; so sánh với cùng kỳ và kế hoạch.
- Về dự án đầu tư tăng vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh: Số DA, VĐT; so sánh với cùng kỳ.

- Dự án chấm dứt hoạt động: Số dự án, VĐT, diện tích đất, nguyên nhân.

- Lũy kế đến thời điểm báo cáo: Số DA, VĐT.

+ Phân dự án theo KCN.

+ Phân dự án theo lĩnh vực: Lĩnh vực hạ tầng KCN; Lĩnh vực công nghiệp; Lĩnh vực thương mại, dịch vụ.

+ Phân dự án FDI theo quốc gia, vùng, lãnh thổ.

3. Tình hình triển khai dự án

- Kết quả triển khai của các dự án: số dự án đã hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ báo cáo. Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo có: số dự án đã đi vào SXKD (chiếm % tổng số dự án); đang triển khai xây dựng, san nền, bồi thường, GPMB, hoàn thiện các thủ tục sau cấp GCNĐKĐT và các dự án chậm triển khai.

- Vốn thực hiện trong kỳ báo cáo, so sánh cùng kỳ, đạt % kế hoạch năm; lũy kế vốn thực hiện từ trước đến thời điểm báo cáo; tỷ lệ VTH/VĐK.

4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

3.1. Kết quả SXKD của các doanh nghiệp FDI:

- Doanh thu: SS với cùng kỳ
- Giá trị xuất khẩu: SS với cùng kỳ
- Nộp ngân sách trên địa bàn: SS với cùng kỳ
- Thu hút lao động mới: số lao động tuyển dụng mới tăng thêm trong kỳ báo cáo, so sánh cùng kỳ; số lao động là người trong tỉnh, chiếm % tổng số lao động làm việc tại các doanh nghiệp FDI trong KCN

3.2. Kết quả SXKD của các doanh nghiệp DDI:

- Doanh thu: SS với cùng kỳ
- Giá trị xuất khẩu: SS với cùng kỳ
- Nộp ngân sách trên địa bàn: SS với cùng kỳ
- Thu hút lao động mới: số lao động tuyển dụng mới tăng thêm trong kỳ báo cáo, so sánh cùng kỳ; số lao động là người trong tỉnh, chiếm % tổng số lao động làm việc tại các doanh nghiệp DDI trong KCN

3.3. Kết quả SXKD theo một số lĩnh vực chủ yếu: Sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy; Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy; Sản xuất, lắp ráp điện tử; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất vật liệu xây dựng.

4. Công tác quản lý quy hoạch, xây dựng và phát triển các Khu công nghiệp

- Công tác tham mưu, đề xuất quy hoạch và phát triển các KCN
- Về tiến độ triển khai xây dựng hạ tầng tại các KCN: VTH, lũy kế VTH từ trước đến thời điểm báo cáo; tỷ lệ lấp đầy các KCN đã có các dự án vào đầu tư; Kết quả triển khai đầu tư các hạng mục hạ tầng kỹ thuật tại các KCN.

5. Công tác quản lý các dự án sau cấp GCNĐT:

- Công tác quản lý lao động: Công tác quản lý lao động theo chức năng, nhiệm vụ được giao: Tình hình thực hiện các chính sách đối với người lao động của các doanh nghiệp trong các KCN; mức sống, thu nhập của người lao động trong khu công nghiệp; tình hình cấp GP và quản lý lao động là người nước ngoài làm việc trong các doanh nghiệp.

- Công tác quản lý về môi trường tại các doanh nghiệp: Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, các biện pháp bảo vệ môi trường về xử lý chất thải rắn, khí thải, nước thải,... ; công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường; công tác quản lý, theo dõi và phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh

ngiệp; Đã trực tiếp giải quyết theo thẩm quyền hoặc phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường của các doanh nghiệp,...

- Công tác Thanh tra, kiểm tra, giám sát tại các doanh nghiệp: Số đợt thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát theo Kế hoạch được duyệt; số lượng doanh nghiệp được thanh tra, kiểm tra, giám sát; Phát hiện vi phạm trong kiểm tra, giám sát; biện pháp xử lý.

- Công tác phòng cháy chữa cháy; an ninh trật tự tại các KCN

- Công tác tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp

- Công tác CCHC: Tình hình triển khai thực hiện cải cách hành chính theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông tại TT HCC của tỉnh; Kết quả tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trong kỳ báo cáo (tỷ lệ đúng và trước hạn, chậm hạn); CHCH trong chỉ đạo điều hành tại Ban...

6. Đánh giá chung tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm: Những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

PHẦN THỨ II: PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM KẾ TIẾP

1. Dự báo những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ

2. Nhiệm vụ chủ yếu:

- Về xúc tiến đầu tư

- Về thu hút đầu tư

- Về triển khai dự án

- Về hoạt động sản xuất kinh doanh

- Về quy hoạch và đầu tư phát triển hạ tầng các KCN

- Về quản lý các dự án sau cấp GCNĐKĐT: quản lý lao động, quản lý môi trường tại các doanh nghiệp KCN

- Về công tác khác: Thanh tra, kiểm tra, giám sát tại các doanh nghiệp KCN; CCHC; pháp chế...

2. Giải pháp thực hiện

3. Kiến nghị, đề xuất: (Quốc hội và Chính phủ; Bộ Ngành TW; TU, UBND tỉnh).

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);

- Ban Quản lý các KCN (t/hợp);

- Lưu:.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Phần II: BIỂU MẪU BÁO CÁO

BIỂU 1: DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀO CÁC KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC NĂM....

(Tính từ ngày 15/12 của năm trước đến ngày 14/12 của năm báo cáo)

TT	Tên Dự án	Chủ đầu tư	Mã số DA/ngày cấp	Mục tiêu hoạt động	Địa điểm	Vốn đầu tư ĐK mới/tăng thêm/giảm đi (Tr.USD/Tỷ đồng)	Ghi chú
A	ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI)						
I	DỰ ÁN CẤP MỚI:					-	
1							
						
II	DỰ ÁN TĂNG VỐN:						
1							
	...						
III	DỰ ÁN GIẢM VỐN						
1							
						
IV	DỰ ÁN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG						
1							
						
B	ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP TRONG NƯỚC (DDI):					-	
I	DỰ ÁN CẤP MỚI:					-	
1							
						

TT	Tên Dự án	Chủ đầu tư	Mã số DA/ngày cấp	Mục tiêu hoạt động	Địa điểm	Vốn đầu tư ĐK mới/tăng thêm/giảm đi (Tr.USD/Tỷ đồng)	Ghi chú
II	DỰ ÁN TĂNG VỐN:						
1							
	...						
III	DỰ ÁN GIẢM VỐN						
1							
						
IV	DỰ ÁN CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG						
1							
						

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Dự án FDI				Dự án DDI			
			TH năm trước	Năm BC	So cùng kỳ (%)	Đạt % so KH năm BC	TH năm trước	Năm BC	So cùng kỳ (%)	Đạt % so KH năm BC
3	Vốn thực hiện	Triệu USD/ tỷ VNĐ								
4	Dự án mới đi vào SXKD	Dự án								
II	Đóng góp vào KT-XH									
1	Doanh thu	Triệu USD/ tỷ VNĐ								
2	Giá trị kim ngạch XK	Triệu USD								
3	Nộp ngân sách	Tỷ VNĐ								
4	Giá trị nhập khẩu	Triệu USD								
5	Lao động	Người								

Người lập biểu

(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU 3: BIỂU LŨY KẾ KẾT QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO CÁC KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN THÁNG 12 NĂM....

(Lũy kế đến ngày 14/12 của năm báo cáo)

TT	KCN	Số dự án		Vốn đầu tư Đăng ký		Diện tích đất cấp (ha)		Tình hình triển khai dự án						
		Tổng số	Trong đó		DDI (Tỷ VNĐ)	FDI (Triệu USD)	Tổng số	Trong đó		Đang SX KD	Đang xây dựng, san nền	Chưa TK, Giãn tiến độ,...	Đang bồi thường GPMB	Mới cấp giấy CNĐT, đang làm thủ tục
			DDI	FDI				DDI	FDI					
1														
2														
													
	Tổng cộng:													

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU 4 : BIỂU TỔNG HỢP THU HÚT DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO CÁC KCN NĂM.....

(Tính từ ngày 15/12 năm trước đến ngày 14/12 của năm báo cáo)

TT	KCN	Số dự án (cấp mới)			Vốn đầu tư Đăng ký			Diện tích đất cấp (ha)		
		Tổng số	Trong đó		DDI (tỷ VNĐ)	FDI (Triệu USD)	Tổng	Trong đó		
			DDI	FDI				DDI	FDI	
1										
2										
									
	Tổng cộng:									

Người lập biểu

(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU 5: BIỂU LŨY KẾ DỰ ÁN THEO LĨNH VỰC ĐẦU TƯ ĐẾN THÁNG 12 NĂM.....
(Lũy kế đến ngày 14/12 của năm báo cáo)

STT	Lĩnh vực	FDI				DDI				Ghi chú
		Số DA	Tổng VĐT (Tr. USD)	Tỷ lệ %		Số DA	Tổng VĐT (Tỷ đồng)	Tỷ lệ %		
				DA/Tổng DA	VĐT/Tổng VĐT			DA/Tổng DA	VĐT/Tổng VĐT	
TỔNG:										
I	Xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN									
II	Công nghiệp:									
1	Sản xuất ô tô, xe máy, phụ tùng ô tô, xe máy									
2	Sản xuất, lắp ráp điện, điện tử, máy tính									
3	Sản xuất hàng may mặc									
4	Sản xuất VLXD									
									
III	Thương mại, dịch vụ									

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU 6: BIỂU TỔNG HỢP THU HÚT ĐẦU TƯ THEO LĨNH VỰC NĂM

(Tính từ ngày 15/12 năm trước đến ngày 14/12 của năm báo cáo)

STT	Lĩnh vực	Dự án FDI				Dự án DDI				Ghi chú
		Số Dự án	Tổng VĐT (Tr. USD)	Tỷ lệ %		Số Dự án	Tổng VĐT (Tỷ đồng)	Tỷ lệ %		
				DA/Tổng DA	VĐT/Tổng VĐT			DA/Tổng DA	VĐT/Tổng VĐT	
	TỔNG:									
I	Xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN									
II	Công nghiệp:									
1	Sản xuất ô tô, xe máy, phụ tùng ô tô, xe máy									
2	Sản xuất, lắp ráp điện, điện tử, máy tính									
3	Sản xuất hàng may mặc									
4	Sản xuất VLXD									
5	SXCN khác									
III	Thương mại, dịch vụ									

Người lập biểu

(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU 7: BIỂU LŨY KẾ CÁC DỰ ÁN FDI ĐẦU TƯ TRONG CÁC KCN PHÂN THEO VÙNG LÃNH THỔ ĐẾN THÁNG 12 NĂM...

(Lũy kế đến ngày 14/12 của năm báo cáo)

Số TT	Quốc gia và vùng lãnh thổ	Số DA	Tỷ lệ% DA đầu tư theo lãnh thổ/tổng DA đầu tư	Tổng vốn đầu tư (USD)	Tỷ lệ VĐT quốc gia/ tổng VĐT (USD)	Tình hình triển khai dự án			
						Sản xuất	Xây dựng	Mới Cấp	Chưa triển khai
1	Hàn Quốc								
2	Đài Loan								
3	Nhật Bản								
4	Thái Lan								
5	Singapore								
6	Ý								
7	Trung Quốc								
8	Hà Lan								
9	CH Seychelles								
10	Ấn Độ								
11	Samoa								
12	Malaysia								
								
	Cộng								-

Người lập biểu

(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

II. KẾT QUẢ SXKD CỦA CÁC DỰ ÁN DDI

Stt	Tên KCN	Doanh thu (Tỷ đồng)			Giá trị xuất khẩu (Tỷ đồng)			Nộp NS (Tỷ đồng)			Lao động (Người)				GT nhập khẩu (Tỷ USD)		
		TH năm trước	TH năm BC	SS c.kỳ	TH năm trước	TH năm BC	SS c.kỳ	TH năm trước	TH năm BC	SS c.kỳ	Tính đến 14/12 năm trước	Tính đến 14/12 năm BC	Tăng (giảm)	Trong đó: LĐ VP	TH năm trước	TH năm BC	SS c.kỳ
1																	
2																	
3																	
4																	
5																	
																
	CỘNG	-	-														

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

S T T	Lĩnh vực hoạt động	Doanh thu (Triệu USD/Tỷ VNĐ)			Giá trị xuất khẩu (Triệu USD/Tỷ VNĐ)			Nộp NS (Tỷ đồng)			Lao động Việt Nam (Người)				GT nhập khẩu (Triệu USD/Tỷ VNĐ)			
		TH năm trước	TH năm BC	SS c.kỳ	TH năm trước	TH năm BC	SS c.kỳ	TH năm trước	TH năm BC	SS c.kỳ	Tính đến 14/12 năm trước	Tính đến 14/12 năm BC	Tăng (giảm)	Trong đó: LĐ VP	TH năm trước	TH năm BC	SS c.kỳ	
6	Lĩnh vực CN khác																	
7	Thương mại & Dịch vụ																	
																	
II	DỰ ÁN DDI																	
1	CN sản xuất các sản phẩm thép																	
2	Các Lĩnh vực khác																	

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU 10: BIỂU LŨY KẾ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT CÁC KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC ĐẾN THÁNG 12 NĂM....

(Lũy kế đến ngày 14/12 của năm báo cáo)

Đơn vị tính: DDI (tỷ đồng)

FDI (Triệu USD)

STT	Tên khu công nghiệp	Tên Chủ đầu tư	Quy mô KCN (ha)	DỰ ÁN HẠ TẦNG							
				Diện tích đất CN theo QH (ha)	Diện tích đất CN đã GPMB (ha)	Vốn đăng ký lũy kế đến T12 năm BC	Vốn NS đã TH	Vốn TH trong năm BC	Vốn TH lũy kế đến T12 năm BC	DT chưa đền bù (ha)	Tỷ lệ lấp đầy trên diện tích đất QH (%)
	Các khu công nghiệp đã thành lập										
	Tổng cộng										

Người lập biểu

(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)